

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG NỀN TẢNG LÝ THUYẾT VÀ XU HƯỚNG CỦA VIỆT NAM

TS. ĐÌNH PHI HỒ & Thạc Sĩ LÊ THỊ THANH TÙNG



Ảnh Thiên Triều

Trong thập niên 90, một trong những mối quan tâm hàng đầu của phát triển nông nghiệp trên phạm vi toàn cầu chính là phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững. Từ những năm 80 cho đến nay, định nghĩa về phát triển nông nghiệp bền vững vẫn còn chưa được thống nhất giữa các nhà kinh tế học. Tuy nhiên, bản chất của phát triển nông nghiệp bền vững đã được khám phá bởi nhiều công trình nghiên cứu của các nhà kinh tế học trên thế giới. Đối với Việt Nam, nông nghiệp đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế thì phát triển nông nghiệp bền vững lại càng có ý nghĩa hết sức quan trọng. Bài báo này sẽ tập trung vào ba khía cạnh chủ yếu: nền tảng lý thuyết về phát triển nông nghiệp bền vững, xu hướng phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững của Việt Nam, và một số gợi ý về chính sách.

I. NỀN TẢNG LÝ THUYẾT VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG

1. Sự khác nhau về định nghĩa

Trong hai thập niên gần đây, định nghĩa về nông nghiệp bền vững đã được hình thành và rất khác nhau. Một vài định nghĩa được phổ biến như sau:

- Trong những năm đầu của thập niên 80, Douglass G.K phân thành 3 nhóm khác nhau về định nghĩa.

Nhóm thứ 1: nông nghiệp bền vững được nhấn mạnh chủ yếu vào khía cạnh kinh tế - kỹ thuật. Năng suất lao động tăng và duy trì trong dài hạn là bằng chứng cho sự tăng trưởng của nông nghiệp theo con đường bền vững.

Nhóm thứ 2: nông nghiệp bền vững được nhấn mạnh chủ yếu vào khía cạnh sinh thái. Một hệ thống nông nghiệp mà làm suy yếu, ô nhiễm, phá vỡ cân bằng sinh thái của hệ thống tự nhiên một cách không cần thiết thì hệ thống đó không bền vững.

Nhóm thứ 3: nông nghiệp bền vững được nhấn mạnh vào khía cạnh môi trường con người. Một hệ thống nông nghiệp mà không cải thiện được trình độ giáo dục, sức khỏe, và dinh dưỡng của người dân nông thôn thì hệ thống đó không được xem là bền vững.

- Vào giữa thập niên 80, Ủy ban phát triển và môi trường thế giới (1987), đưa ra định nghĩa như sau: Phát triển bền vững là phát triển đáp ứng được những nhu cầu hiện tại nhưng không làm tổn thương năng lực đáp ứng nhu cầu của thế hệ tương lai. Định nghĩa này có lẽ cần thiết cho những người đang sống hôm nay, cụ thể, những người đang sống trong các xã hội thịnh vượng kèm chế độ trình độ tiêu dùng ở hiện tại để tránh

khỏi sự giảm sút trong trình độ tiêu dùng của thế hệ tương lai. Định nghĩa này được phổ biến nhanh chóng và áp dụng trong nhiều nước trên thế giới. Tuy nhiên, định nghĩa này không được ủng hộ lắm bởi các nước mà vấn đề nghèo đói còn nghiêm trọng và thu nhập của đại bộ phận dân cư còn thấp. Trong cùng thời điểm này, cũng còn một số định nghĩa khác. Ropetto (1987) cho rằng một trong những điều kiện cơ bản cho phát triển nông nghiệp bền vững trong một thế giới mà còn nhiều tình trạng suy dinh dưỡng và nghèo đói là sản xuất nông nghiệp gia tăng đủ để đáp ứng nhu cầu lương thực - thực phẩm tăng nhanh và đảm bảo cho giá giảm dần. Ủy ban tư vấn kỹ thuật của Liên Hiệp Quốc (Technical Advisory committee - TAC, 1989) nhấn mạnh rằng, mục tiêu của nông nghiệp bền vững nên là duy trì sản xuất nông nghiệp ở trình độ cần thiết đáp ứng nhu cầu gia tăng của việc mở rộng về dân số thế giới mà không có làm suy thoái môi trường.

- Trong những năm 90, một vài định nghĩa khác xuất hiện. Nijkamp, Bergh và Soeteman (1990) cho rằng, sự bền vững được xem như là một sự cân bằng được đảm bảo giữa phát triển kinh tế và bền vững sinh thái. Pearce và Turner (1990) cho rằng, sự phát triển nông nghiệp bền vững được định nghĩa như là tối đa hóa lợi ích của phát triển kinh tế trên cơ sở ràng buộc việc duy trì chất lượng của nguồn lực tự nhiên theo thời gian và tuân thủ các qui luật sau: (a) đối với những tài nguyên có thể tái sinh (rừng, đất, lao động), việc sử dụng chúng phải đảm bảo ở mức thấp hơn khả năng tái sinh tự nhiên của chúng; (b) đối với tài nguyên không tái sinh (má mỏ, vật tư nông nghiệp), việc tối ưu hóa hiệu quả sử dụng chúng phụ thuộc vào khả năng thay thế của các nguồn lực này (ví dụ: sử dụng phân bón để tăng sản lượng thay thế cho việc tăng sản lượng bằng diện tích) và tiến bộ kỹ thuật.

Qua các định nghĩa trên, cho thấy rằng chưa có sự đồng nhất về định nghĩa của nông nghiệp bền vững giữa các nhà kinh tế học. Tuy nhiên, hầu hết các nhà kinh tế học đều nhìn nhận rằng, phát triển nông nghiệp bền vững là mô hình phát triển mà trong đó có sự ràng buộc giữa tăng trưởng nông nghiệp với môi trường tự nhiên, sự nghèo đói, và môi trường con người ở nông thôn. Do đó, để nắm được bản chất của phát triển nông nghiệp bền vững, những mối quan hệ ràng buộc này cần được xem xét.

2. Các mối quan hệ ràng buộc

a. Tăng trưởng nông nghiệp và môi trường tự nhiên

Theo Haen (1991), tất cả các

dạng, hình thức của sản xuất nông nghiệp đều liên quan đến sự biến đổi của một hệ sinh thái. Mong muốn rằng nông nghiệp nên tiến hành sản xuất như tình trạng nguyên thủy của tự nhiên là không thực tế. Sự thách thức ở đây là sự can thiệp vào tự nhiên theo cách nào đó để thực hiện một cân bằng có thể chấp nhận được giữa lợi ích mang lại từ việc sử dụng, khai thác các nguồn lực tự nhiên cho sản xuất với lợi ích từ việc gìn giữ chức năng sinh thái của nó. Nhấn mạnh vào khía cạnh cân bằng sinh thái là phản ánh mong muốn của xã hội đối với việc gìn giữ môi trường tự nhiên, đồng thời nó cũng là lợi ích dài hạn của sản xuất nông nghiệp vì sản xuất lệ thuộc vào độ màu mỡ của đất, chất lượng của nguồn nước, và khí hậu. Nhiều nước phát triển trên thế giới đã và đang định hướng lại sản xuất nông nghiệp hướng tới một sự nhấn mạnh hơn về sinh thái. Vì sao? Chắc chắn rằng không phải vì cầu nông sản giảm, mà vì thực tiễn của sản xuất nông nghiệp hiện đại đã dẫn tới sự phá hỏng sinh thái như hủy diệt nhiều sinh vật, suy thoái hệ thống đất - nước, thay đổi về khí hậu. Một số hệ quả của suy thoái tự nhiên mà thế giới đương đầu như sau:

- Theo báo cáo của UNEP (United Nations Environment Program, 1991), khoảng 300 triệu ha trong tổng số 4.700 triệu ha đất nông nghiệp trên toàn thế giới đã bị suy thoái trầm trọng. Trong đó, 120 triệu ha trong tình trạng không khôi phục được, hoặc nếu có khôi phục thì đòi hỏi chi phí rất lớn. Nguyên nhân chủ yếu, do xói mòn bởi nước và gió. Và khoảng 150 triệu ha bị suy giảm chất lượng do nhiễm mặn.

- Trong 20 năm qua, diện tích đất nông nghiệp được tưới tiêu chủ động thông qua các công trình thủy nông đã tăng 50%. Tuy nhiên, trong tổng số 235 triệu ha được tưới tiêu chủ động có 30 triệu ha đã bị nhiễm mặn, và 60 triệu ha đang bị đe dọa bởi nhiễm mặn.

Tình trạng suy thoái đất nông nghiệp và nguồn nước chủ yếu do sự phá hủy một cách trầm trọng đối với diện tích rừng (10-17 triệu ha rừng bị phá hàng năm) và kém chất lượng của các công trình thủy lợi. Sự phát triển nông nghiệp không phải chỉ bằng cách mở rộng diện tích để tăng sản lượng nhưng còn là tăng sản lượng từ việc thâm canh trên một đơn vị diện tích đất đang sử dụng và tăng vụ đối với diện tích được tưới tiêu chủ động. Theo dự báo của FAO, trong những thập niên tới, 80% tổng sản lượng nông sản sẽ được sản xuất trên diện tích được tưới tiêu chủ động. Do đó, vấn đề cốt lõi của sự mất cân bằng sinh thái không phải là do tốc độ

phát triển nông nghiệp hoặc tăng trưởng nông nghiệp mà là do phương thức thực hiện sự tăng trưởng. Theo kết quả nghiên cứu của Braun, tốc độ tăng trưởng nông nghiệp và tốc độ rừng bị phá hàng năm trong các nước đang phát triển trong thời kỳ 1980-1989 là không có tương quan (hệ số tương quan là 0.07). Trong khi đó, tốc độ tăng trưởng của việc sử dụng đất nông nghiệp có tương quan chặt chẽ với tốc độ diện tích rừng bị phá (hệ số tương quan là 0.31). Phương thức thâm canh có thể bổ sung thêm và tạo cân bằng chất dinh dưỡng trong đất. Việc sử dụng đúng liều lượng, chủng loại của các loại thuốc trừ sâu và đầu tư phát triển hệ thống thủy lợi đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng có thể ngăn chặn tình trạng nhiễm mặn và nhiễm độc nguồn nước, khôi phục và bảo vệ rừng sẽ hạn chế tình trạng lũ, lụt, sự thay đổi khôn lường về khí hậu. Do yêu cầu ngày càng cao về lương thực, nguyên liệu và xuất khẩu đối với tiến trình công nghiệp hóa và nâng cao thu nhập cho nông dân, tăng trưởng nông nghiệp nhanh và ổn định là cần thiết. Tuy nhiên, tăng trưởng nhanh hơn không cần thiết phải làm hỏng môi trường sinh thái hơn. Biểu hiện của nông nghiệp bền vững có thể được đánh giá thông qua các chỉ tiêu sau: (1) xu hướng của tốc độ tăng trưởng nông nghiệp (ổn định và cao hơn tốc độ tăng trưởng dân số); (2) Sự thay đổi về diện tích rừng bị phá và được khôi phục, độ màu mỡ của đất nông nghiệp đang sử dụng, độ nhiễm mặn của đất, tỷ lệ diện tích đất được tưới tiêu chủ động, và chất lượng của nguồn nước.

b. Tăng trưởng nông nghiệp và sự nghèo đói nông thôn

Rao C.H.H và Chopra K (1991) đề cập đến mối quan hệ giữa tăng trưởng nông nghiệp - suy thoái môi trường - nghèo đói nông thôn như sau:

Trong quá trình tăng trưởng nông nghiệp, hai phương thức được thực hiện là quảng canh: tăng sản lượng chủ yếu do mở rộng diện tích, và thâm canh: tăng năng suất trên một đơn vị diện tích bằng cách tăng cường sử dụng các yếu tố đầu vào do ngành công nghiệp hóa chất cung cấp. Đối với phương thức quảng canh, do bóc lột chất dinh dưỡng tự nhiên trong đất, mở rộng diện tích đất sản xuất nông nghiệp chủ yếu bởi phá rừng. Nông nghiệp sẽ tăng trưởng trong ngắn hạn, nhưng một khi môi trường tự nhiên suy thoái, năng suất sẽ giảm, rồi thu nhập sẽ thấp trong khi dân số tăng thêm, và hệ quả là thất nghiệp và nghèo đói xuất hiện. Đối với phương thức thâm canh, để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng nhanh,

tình trạng lạm dụng các hóa chất (phân bón, thuốc trừ sâu) sẽ xuất hiện. Điều này sẽ làm suy thoái tài nguyên đất và nước, và một khi sự suy thoái xuất hiện, năng suất và thu nhập của nông dân sẽ giảm dần, trong khi dân số nông thôn tăng và môi trường nông thôn không thu hút việc làm, tình trạng thất nghiệp sẽ tăng và nghèo đói sẽ xuất hiện.

Shepherd A (1998) cũng tranh luận sự xuất hiện nghèo đói với khía cạnh khác. Ông ta cho rằng, ngay cả việc áp dụng các kỹ thuật sản xuất mà bảo đảm được cân bằng sinh thái vẫn dẫn đến tình trạng nghèo đói. Do đặc điểm tiềm năng tự nhiên của từng vùng địa lý khác nhau, hiệu quả của việc ứng dụng các kỹ thuật mới khác nhau. Bắt đầu giai đoạn ứng dụng kỹ thuật mới, vì đòi hỏi tăng đầu tư (giống mới, phân bón, thuốc trừ sâu bệnh, cải tạo mặt bằng đồng ruộng về hệ thống thủy nông đồng) và có rủi ro trong đầu tư, phần lớn nông dân có khả năng áp dụng chính là những hộ nông dân giàu trong các vùng có lợi thế về tiềm năng tự nhiên. Và chính họ nhận được lợi ích từ việc áp dụng các kỹ thuật mới, sau đó với sự hỗ trợ của chính phủ thông qua trợ giá đối với các yếu tố đầu vào của sản xuất và tín dụng ưu đãi, nhiều nông dân kể cả nông dân nghèo trên các vùng tiềm năng tự nhiên khác nhau có thể áp dụng được kỹ thuật mới. Tuy nhiên khi đại bộ phận nông dân có thể áp dụng được, tổng sản lượng sẽ tăng nhanh và giá nông sản sẽ rơi xuống nhanh và hệ quả là thu nhập của nông dân sẽ bị giảm, nhất là nông dân nghèo trong các vùng tiềm năng tự nhiên thấp. Nếu quá trình này tiếp tục, họ sẽ lỗ và mang gánh nặng về nợ nần và họ sẽ từ bỏ việc đầu tư, trong khi dân số tiếp tục tăng trưởng, thất nghiệp sẽ gia tăng và tình trạng nghèo đói sẽ trầm trọng. Một khi bộ phận nông dân nghèo đói gia tăng, thì đối với họ, việc đáp ứng cho nhu cầu tồn tại ở hiện tại là quan trọng nhất còn đáp ứng cho nhu cầu tương lai sẽ không thật sự có ý nghĩa. Do thu nhập thấp và tỷ lệ thất nghiệp cao, chi phí cơ hội của lao động sẽ thấp. Họ sẽ sẵn sàng đáp ứng các nhu cầu tiêu dùng hàng hóa với nguyên liệu chính từ tự nhiên (gỗ, da thú...) của bộ phận dân cư có thu nhập cao bằng cách khai thác nguồn tự nhiên để kiếm thu nhập (phá rừng, săn bắn, đánh bắt mọi loài sinh vật bất kể kích thước). Hệ quả là môi trường tự nhiên tiếp tục suy thoái và lần nữa, thu nhập của họ sẽ tiếp tục giảm và rơi vào cái vòng lẩn quẩn của nghèo đói. Như vậy, một hệ thống nông nghiệp không đảm bảo được sinh kế bền vững trên mức nghèo đói cho người dân nông thôn thì không

thể nào là một hệ thống nông nghiệp bền vững được. Do đó, nông nghiệp bền vững có thể đánh giá bởi một số chỉ tiêu liên quan đến xu hướng việc làm và tình trạng nghèo đói ở vùng nông thôn: tỷ lệ hộ nghèo đói, tỷ lệ lao động thất nghiệp ở nông thôn.

c. Tăng trưởng nông nghiệp và môi trường con người ở nông thôn

Theo Braun J.V (1991), quan tâm đến sự cân bằng của môi trường tự nhiên vẫn chưa đủ, mà còn phải quan tâm đến môi trường mà trong đó người dân nông thôn sinh sống, đó là: những điều kiện về nơi ở, chất lượng nước và thực phẩm, chăm sóc sức khỏe và bệnh tật, vệ sinh, văn hóa. Nói chung là tình trạng về sức khỏe, dinh dưỡng và giáo dục của nguồn nhân lực nông thôn.

• Tăng trưởng nông nghiệp và môi trường sức khỏe - dinh dưỡng:

Strauss (1986), Haddad và Bouis (1991) cho rằng, tăng trưởng nông nghiệp và cải thiện môi trường sức khỏe - dinh dưỡng thường có ảnh hưởng hỗ tương. Tăng trưởng nông nghiệp tạo ra việc làm và thu nhập và do đó làm thuận tiện cho việc cải thiện tình trạng sức khỏe - dinh dưỡng của nông dân. Mặt khác, tình trạng sức khỏe - dinh dưỡng là yếu tố quan trọng ảnh hưởng tới chất lượng của nguồn lao động và năng suất lao động, và như vậy sẽ ảnh hưởng trở lại đối với tăng trưởng nông nghiệp. Nhưng nếu tăng trưởng nông nghiệp được thực hiện bằng phương thức có thể ảnh hưởng làm suy thoái môi trường tự nhiên, thì điều này sẽ làm nông nghiệp tăng trưởng chậm và theo đó sẽ giảm đi ảnh hưởng tích cực của tăng trưởng nông nghiệp đối với việc cải thiện tình trạng sức khỏe - dinh dưỡng. Braun (1991) cũng tìm thấy rằng, nếu tăng trưởng nông nghiệp được thực hiện bởi phương thức ảnh hưởng tới suy thoái môi trường thì tình trạng sức khỏe - dinh dưỡng của người dân nông thôn cũng bị ảnh hưởng một cách trực tiếp. Trong trường hợp áp dụng phương thức thâm canh nhưng do thiếu hoàn chỉnh về số lượng cũng như chất lượng của các công trình thủy lợi sẽ làm suy thoái chất lượng nước, gia tăng muối, ruối và các côn trùng khác và điều này sẽ dẫn tới sự phát triển các loại bệnh như sốt rét, dịch tả, đường ruột. Do sử dụng lượng thuốc trừ sâu không thích hợp đã ảnh hưởng tới ngộ độc (nghiên cứu của Bull (1982) cho thấy rằng 10,000 người chết vì ngộ độc thuốc trừ sâu hàng năm trong các nước đang phát triển). Trong trường hợp áp dụng phương thức quảng canh, do mở rộng diện tích bởi phá rừng sẽ dẫn đến tình trạng suy thoái về nguồn nước và hệ quả là khô hạn, lũ, thay đổi về khí

hậu. Điều này dẫn đến tình trạng không an toàn về sản xuất lương thực, suy dinh dưỡng, nạn đói, và hàng loạt bệnh tật liên quan đến lữ - hạn sẽ xuất hiện.

• Tăng trưởng nông nghiệp và trình độ văn hóa của nông dân

Theo Alves E (1991), rõ ràng rằng con đường phát triển nông nghiệp thông qua phương thức thâm canh. Phương thức này đòi hỏi việc sử dụng các kỹ thuật sinh học với giống mới, nhiều phân bón hơn, thay đổi về cơ cấu cây trồng trên đất, kết hợp nông - lâm - nuôi trồng thủy sản, các kỹ thuật hóa - sinh để chống lại sâu - dịch bệnh. Nếu các kỹ thuật này có thể đảm bảo không làm suy thoái môi trường, thì tăng trưởng nông nghiệp sẽ đảm bảo bền vững. Nhưng nếu trình độ văn hóa của nông dân thấp kém (tỷ lệ mù chữ cao) thì rất khó khăn đối với họ để hiểu về các khái niệm bền vững, suy thoái môi trường và hiểu được các kỹ thuật mà có thể làm giảm suy thoái môi trường. Và điều này sẽ trở nên rào cản đối với việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới vừa đem lại lợi ích cho họ và gìn giữ môi trường.

Vậy thì, một hệ thống nông nghiệp mà không đảm bảo được sự bền vững trong việc cải thiện tình trạng sức khỏe - dinh dưỡng và trình độ văn hóa cho nông dân thì không thể nào là một hệ thống nông nghiệp bền vững được. Nông nghiệp bền vững có thể đánh giá bởi một số chỉ tiêu liên quan đến xu hướng về tình trạng sức khỏe - dinh dưỡng và trình độ văn hóa của người dân nông thôn: tỷ lệ trẻ em, người lớn suy dinh dưỡng, mù chữ; tỷ lệ tử vong của trẻ em sơ sinh; tỷ lệ nông dân bị các bệnh chủ yếu liên quan đến môi trường.

Qua phân tích 3 mối quan hệ chủ yếu trên, phát triển nông nghiệp bền vững có thể được khái quát như sau: Phát triển nông nghiệp bền vững là mô hình phát triển mà đáp ứng được yêu cầu tăng trưởng chung của nền kinh tế nhưng không làm suy thoái môi trường tự nhiên và con người, đồng thời đảm bảo được sinh kế bền vững trên mức nghèo đói cho người dân nông thôn. Sự suy thoái về môi trường ở hiện tại là hệ quả của việc áp dụng các phương sản xuất trước đây, do đó để đạt tới trình độ nông nghiệp bền vững (khắc phục hậu quả trước đây và áp dụng các phương thức sản xuất mới gắn với gìn giữ cân bằng sinh thái) đòi hỏi một quá trình lâu dài. Trong ngắn hạn, phát triển nông nghiệp hướng tới bền vững sẽ là mục tiêu cho các chính sách phát triển nông nghiệp và nông thôn ■

(còn tiếp)